

Số: 38/2011/TT-BGTVT

Hà Nội, ngày 18 tháng 5 năm 2011

## **THÔNG TƯ**

### **Hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào**

Căn cứ Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 23 tháng 4 năm 2009 (sau đây gọi tắt là “Hiệp định”);

Căn cứ Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào ký ngày 15 tháng 9 năm 2010 (sau đây gọi tắt là “Nghị định thư”);

Căn cứ Nghị định số 51/2008/NĐ-CP ngày 22 tháng 4 năm 2008 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư như sau:

## **Chương I NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

### **Điều 1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn thực hiện một số điều của Hiệp định và Nghị định thư về tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ (sau đây gọi là “phương tiện”) hoạt động qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

### **Điều 2. Đối tượng áp dụng**

Thông tư này áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có liên quan đến hoạt động của phương tiện thương mại và phi thương mại được cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới giữa hai nước Việt Nam và Lào.

### **Điều 3. Quy định đối với phương tiện**

1. Phương tiện được cấp giấy phép liên vận qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào là xe ô tô, ô tô đầu kéo, rơ moóc hoặc sơ mi rơ moóc được kéo theo ô tô và xe máy chuyên dùng lưu thông trên đường bộ có giấy đăng ký phương tiện và biển số do cơ quan có thẩm quyền của nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam cấp.

2. Phương tiện thương mại là phương tiện thuộc quyền sử dụng của các doanh nghiệp, hợp tác xã tham gia vận chuyển hàng hóa và hành khách có thu tiền hoặc phương tiện chuyên chở người hoặc hàng hóa phục vụ hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp, hợp tác xã, cụ thể bao gồm:

- a) Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định;
- b) Phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo hợp đồng và vận chuyển khách du lịch;
- c) Phương tiện kinh doanh vận tải hàng hóa;
- d) Phương tiện thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã vận chuyển phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trên lãnh thổ Lào.

3. Phương tiện phi thương mại là phương tiện của các cơ quan, tổ chức, cá nhân hoạt động qua lại biên giới hai nước không vì mục đích kinh doanh, cụ thể gồm:

- a) Phương tiện của các cơ quan, tổ chức, doanh nghiệp, hợp tác xã trong nước và quốc tế đi công tác, tham quan, du lịch;
- b) Phương tiện của các cá nhân đi việc riêng (chỉ áp dụng đối với xe ô tô chở người dưới 09 (chín) chỗ và xe bán tải (pick-up));
- c) Xe cứu hỏa, xe cứu thương, xe cứu hộ, xe thực hiện sứ mệnh nhân đạo.

4. Mỗi chuyến đi, phương tiện được lưu lại ở Bên ký kết kia 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày nhập cảnh. Trường hợp quá thời hạn quy định, mà có lý do hợp lý sẽ được gia hạn một lần với thời gian tối đa không quá 10 (mười) ngày.

5. Mỗi phương tiện khi hoạt động qua lại biên giới phải gắn biển ký hiệu phân biệt quốc gia lên kính xe phía trước góc trên phía tay phải của người lái xe. Biển ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam quy định tại Phụ lục 1 của Thông tư này.

#### **Điều 4. Quy định về giấy tờ của phương tiện**

1. Khi lưu hành, phương tiện phải có các giấy tờ còn hiệu lực sau đây cùng bản dịch tiếng Lào hoặc tiếng Anh có chứng thực nếu trường hợp giấy tờ đó không in song ngữ Việt – Lào hoặc Việt – Anh để xuất trình cho các cơ quan hữu quan khi được yêu cầu:

- a) Giấy đăng ký phương tiện;
- b) Sổ chứng nhận kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường;
- c) Giấy phép liên vận;
- d) Giấy chứng nhận bảo hiểm trách nhiệm dân sự của chủ xe cơ giới;
- đ) Tờ khai phương tiện vận tải đường bộ tạm nhập – tái xuất.

2. Đối với phương tiện vận tải hành khách, ngoài các giấy tờ quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm Danh sách hành khách. Danh sách hành khách áp dụng cho phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định được quy định tại Phụ lục 2a của Thông tư này. Danh sách hành khách áp dụng cho phương tiện vận chuyển hành khách theo hợp đồng và vận chuyển khách du lịch được quy định tại Phụ lục 2b của Thông tư này.

3. Đối với phương tiện vận chuyển hàng hoá, ngoài các quy định tại khoản 1 của Điều này phải có thêm các giấy tờ sau:

- a) Vận đơn;
- b) Tờ khai hải quan đối với hàng hoá;
- c) Giấy chứng nhận kiểm dịch động, thực vật (theo quy định chuyên ngành).

4. Phương tiện vận tải hàng nguy hiểm hoặc hàng có kích thước, trọng tải

vượt quá quy định của Việt Nam và Lào phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền của Việt Nam và Lào cấp giấy phép lưu hành đặc biệt.

#### **Điều 5. Quy định đối với lái xe**

Lái xe điều khiển phương tiện qua lại biên giới phải có các giấy tờ còn hiệu lực sau :

1. Giấy phép lái xe;
2. Hộ chiếu hoặc giấy tờ có giá trị thay hộ chiếu và thị thực do cơ quan có thẩm quyền cấp (trừ đối tượng được miễn thị thực);
3. Trong trường hợp hộ chiếu của lái xe và đăng ký phương tiện không do cùng một Bên ký kết cấp thì phải có thêm bản sao có chứng thực hợp đồng lao động có thời hạn 01 (một) năm trở lên của lái xe với doanh nghiệp, hợp tác xã hoặc thẻ tạm trú hoặc chứng minh thư ngoại giao.

## **Chương II**

### **GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ**

#### **Điều 6. Điều kiện cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế**

1. Đối tượng được cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế là các doanh nghiệp, hợp tác xã có Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ) hoặc có Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hoá khác);
2. Có kinh nghiệm 03 (ba) năm trở lên trong hoạt động vận tải trong nước; không bị tuyên bố phá sản hoặc đang trong tình trạng tuyên bố phá sản;
3. Có đủ số lượng phương tiện để thực hiện phương án kinh doanh.

#### **Điều 7. Hồ sơ, trình tự cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế**

1. Hồ sơ cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế
  - a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế theo mẫu tại Phụ lục 3 của Thông tư này;
  - b) Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hành khách và kinh doanh vận tải hàng hoá bằng công-ten-nơ) hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh có đăng ký kinh doanh ngành nghề vận tải bằng xe ô tô (đối với các doanh nghiệp, hợp tác xã kinh doanh vận tải hàng hoá khác) (bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);
  - c) Phương án kinh doanh vận tải đường bộ quốc tế.
2. Trình tự cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế:
  - a) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho cơ quan cấp phép. Cơ quan cấp phép kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung;
  - b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế;



c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Cơ quan cấp phép hoặc qua hệ thống bưu chính.

3. Lệ phí cấp Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế theo quy định của Bộ Tài chính.

4. Thời hạn của Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế là 05 (năm) năm.

5. Mẫu Giấy phép quy định tại Phụ lục 4 của Thông tư này.

### **Điều 8. Thu hồi và cấp lại Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế**

1. Cơ quan cấp phép được thu hồi Giấy phép đã cấp nếu doanh nghiệp, hợp tác xã không đảm bảo các quy định về điều kiện cấp Giấy phép;

2. Hết thời hạn của Giấy phép hoặc Giấy phép hư hỏng hoặc mất Giấy phép, doanh nghiệp, hợp tác xã lập hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép mới theo quy định tại Điều 7 của Thông tư này. Giấy phép cũ hết hạn phải nộp trả cơ quan cấp Giấy phép.

## **Chương III GIẤY PHÉP LIÊN VẬN**

### **Điều 9. Giấy phép liên vận**

1. Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện thương mại thuộc các doanh nghiệp, hợp tác xã để đi lại nhiều lần có giá trị 01 (một) năm nhưng không quá thời hạn ghi trên Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế.

Riêng đối với xe vận chuyển hành khách theo hợp đồng hoặc vận chuyển khách du lịch, Giấy phép liên vận có thể theo thời hạn chuyến đi nhưng tối đa không quá 30 (ba mươi) ngày.

2. Giấy phép liên vận cấp cho phương tiện phi thương mại có thời hạn 30 (ba mươi) ngày kể từ ngày cấp.

Riêng đối với xe công vụ hoặc xe của các cơ quan ngoại giao, cơ quan lãnh sự, cơ quan đại diện của tổ chức quốc tế tại Việt Nam có thể theo thời gian chuyến đi nhưng không vượt quá 01 (một) năm.

3. Mẫu Giấy phép liên vận (gồm Sổ giấy phép liên vận và Phù hiệu) quy định tại Phụ lục 5a và Phụ lục 5b của Thông tư này.

### **Điều 10. Hồ sơ cấp Giấy phép liên vận**

1. Đối với phương tiện thương mại:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép liên vận Việt - Lào quy định tại Phụ lục 6a (áp dụng cho phương tiện kinh doanh vận tải) và Phụ lục 6b (áp dụng cho đối tượng còn lại) của Thông tư này;

b) Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế (Bản sao có chứng thực hoặc bản sao kèm theo bản chính để đối chiếu);

Trường hợp là doanh nghiệp, hợp tác xã phục vụ các công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh của đơn vị mình trên lãnh thổ Lào thì xuất trình hợp đồng hoặc tài liệu chứng minh đơn vị đang thực hiện công trình, dự án hoặc hoạt động kinh doanh đó (bản sao có chứng thực);

c) Giấy đăng ký phương tiện (bản sao chụp);

d) Trường hợp phương tiện không thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hợp tác xã thì phải xuất trình thêm bản chứng minh quyền sử dụng của doanh nghiệp, hợp tác xã với phương tiện đó (bản sao chụp).

2. Đối với phương tiện phi thương mại: hồ sơ theo quy định tại điểm a và điểm c khoản 1 Điều này.

### **Điều 11. Trình tự cấp Giấy phép liên vận**

1. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ cho cơ quan cấp phép. Cơ quan cấp phép tiếp nhận hồ sơ, kiểm tra; Trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung, Cơ quan cấp phép thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung chưa đầy đủ hoặc cần sửa đổi;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép cấp giấy phép;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Cơ quan cấp phép hoặc qua hệ thống bưu chính.

2. Lệ phí cấp phép theo quy định của Bộ Tài chính.

### **Điều 12. Cơ quan cấp Giấy phép liên vận**

1. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp Giấy phép cho các đối tượng sau:

a) Phương tiện thuộc các cơ quan của Đảng, Quốc hội, Chính phủ, Văn phòng các Bộ, cơ quan ngang Bộ, các cơ quan thuộc các Bộ có trụ sở đóng tại Hà Nội;

b) Phương tiện của các cơ quan, đơn vị trực thuộc Bộ Giao thông vận tải.

Trường hợp phương tiện kinh doanh vận tải hành khách theo tuyến cố định, Tổng cục Đường bộ Việt Nam có văn bản chấp thuận cho doanh nghiệp khai thác trên tuyến và cấp giấy phép liên vận lần đầu cho phương tiện. Sở Giao thông vận tải căn cứ vào văn bản chấp thuận để chỉ đạo bến xe ký hợp đồng cho phương tiện đón trả khách tại bến.

2. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền Sở Giao thông vận tải cấp Giấy phép cho xe của các cơ quan, tổ chức, cá nhân thuộc các đối tượng còn lại đóng trên địa bàn địa phương và cấp giấy phép liên vận từ lần thứ 2 đối với phương tiện vận tải hành khách theo tuyến cố định

### **Điều 13. Thu hồi và cấp lại Giấy phép liên vận**

1. Cơ quan cấp phép được thu hồi giấy phép đã cấp nếu phương tiện không thực hiện đúng các nội dung trong giấy phép;

2. Hết thời hạn của giấy phép hoặc giấy phép hư hỏng hoặc mất giấy phép, tổ chức cá nhân lập hồ sơ xin cấp phép để được giải quyết.

### **Điều 14. Gia hạn Giấy phép liên vận và thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào**

1. Đối tượng được gia hạn: Phương tiện của Lào hết hạn giấy phép hoặc quá thời gian lưu hành tại Việt Nam nếu có lý do chính đáng (thiên tai, tai nạn, hỏng không sửa chữa kịp) được gia hạn 01 (một) lần với thời hạn không quá 10 (mười) ngày kể từ ngày hết hạn.

2. Hồ sơ bao gồm: Giấy phép liên vận; Giấy đăng ký phương tiện; Đơn đề nghị gia hạn theo mẫu tại Phụ lục 9 của Thông tư này.

3. Tiếp nhận và xử lý hồ sơ:

a) Tổ chức, cá nhân nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp cho Sở Giao thông vận tải;

b) Trong thời hạn 01 (một) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, Sở Giao thông vận tải gia hạn Giấy phép liên vận cho phương tiện; trường hợp không gia hạn phải trả lời bằng văn bản nêu rõ lý do ngay trong ngày nhận hồ sơ.

4. Thẩm quyền gia hạn: Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nơi phương tiện gặp sự cố.

### **Điều 15. Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam và Lào**

1. Doanh nghiệp, Hợp tác xã có đủ điều kiện quy định tại Điều 6 của Thông tư này được đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam và Lào.

2. Hồ sơ đăng ký khai thác tuyến gồm:

a) “Giấy đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam và Lào” theo mẫu quy định tại Phụ lục 7 của Thông tư này;

b) Bản sao chụp Giấy đăng ký phương tiện của những phương tiện trong danh sách đăng ký;

c) Phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế giữa Việt Nam và Lào theo quy định tại Phụ lục 8 của Thông tư này.

3. Trình tự chấp thuận khai thác tuyến:

a) Doanh nghiệp, hợp tác xã nộp 01 (một) bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua hệ thống bưu chính cho cơ quan cấp phép. Cơ quan cấp phép kiểm tra, tiếp nhận hồ sơ; trường hợp hồ sơ cần sửa đổi, bổ sung phải thông báo trực tiếp hoặc bằng văn bản những nội dung cần sửa đổi, bổ sung;

b) Trong thời hạn 03 (ba) ngày làm việc, kể từ khi nhận đủ hồ sơ đúng quy định, cơ quan cấp phép ra văn bản chấp thuận doanh nghiệp, hợp tác xã vào khai thác;

c) Việc tiếp nhận hồ sơ và trả kết quả tại Cơ quan cấp phép hoặc qua hệ thống bưu chính.

## **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

### **Điều 16. Hiệu lực thi hành**

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành sau 45 ngày kể từ ngày ký.

2. Thông tư này thay thế Thông tư số 17/2005/TT-BGTVT ngày 22 tháng 12 năm 2005 của Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn thực hiện Nghị định thư giữa Bộ Giao thông vận tải Việt Nam và Bộ Giao thông vận tải, Bưu điện và Xây dựng Lào thực hiện Hiệp định vận tải đường bộ giữa Chính phủ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Chính phủ nước Cộng hòa dân chủ nhân dân Lào.



## **Điều 17. Trách nhiệm thi hành**

1. Bộ Giao thông vận tải ủy quyền Tổng cục Đường bộ Việt Nam cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế và chấp thuận phương án khai thác tuyến vận tải hành khách cố định liên vận quốc tế Việt Nam – Lào, trên cơ sở kế hoạch cấp phép đã được Bộ Giao thông vận tải phê duyệt.

2. Tổng cục Đường bộ Việt Nam

a) Tổ chức quản lý và hướng dẫn hoạt động đối với các phương tiện qua lại biên giới đường bộ giữa Việt Nam và Lào;

b) Chủ trì và phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc kiểm tra và xử lý phương tiện thương mại và phi thương mại của Việt Nam và Lào hoạt động qua lại biên giới giữa hai nước;

c) Tổ chức hội nghị thường niên với Cục Vận tải Lào để đàm phán giải quyết các vấn đề có liên quan đến vận tải đường bộ giữa hai nước;

d) In ấn và phát hành Biển ký hiệu phân biệt quốc gia của Việt Nam, Giấy phép liên vận, Danh sách hành khách.

3. Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương.

a) Tổ chức phổ biến và triển khai thực hiện Thông tư này tới các tổ chức, cá nhân có liên quan trên địa bàn;

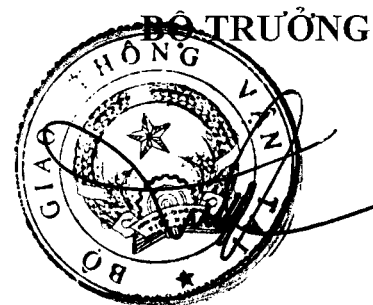
b) Định kỳ hàng năm báo cáo về Tổng cục Đường bộ Việt Nam tình hình tổ chức và quản lý hoạt động vận tải liên vận Việt - Lào để theo dõi, tổng hợp, báo cáo Bộ Giao thông vận tải.

4. Trong quá trình triển khai thực hiện, nếu có vướng mắc phát sinh, tổ chức, cá nhân liên hệ với Tổng cục Đường bộ Việt Nam để được hướng dẫn giải quyết. Trường hợp vượt quá thẩm quyền giải quyết, Tổng cục Đường bộ Việt Nam báo cáo Bộ Giao thông vận tải để chỉ đạo thực hiện.

5. Chánh Văn phòng Bộ, Chánh Thanh tra Bộ, Vụ trưởng các Vụ, Tổng cục trưởng Tổng cục Đường bộ Việt Nam, Giám đốc Sở Giao thông vận tải các tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này. /.

### **Nơi nhận:**

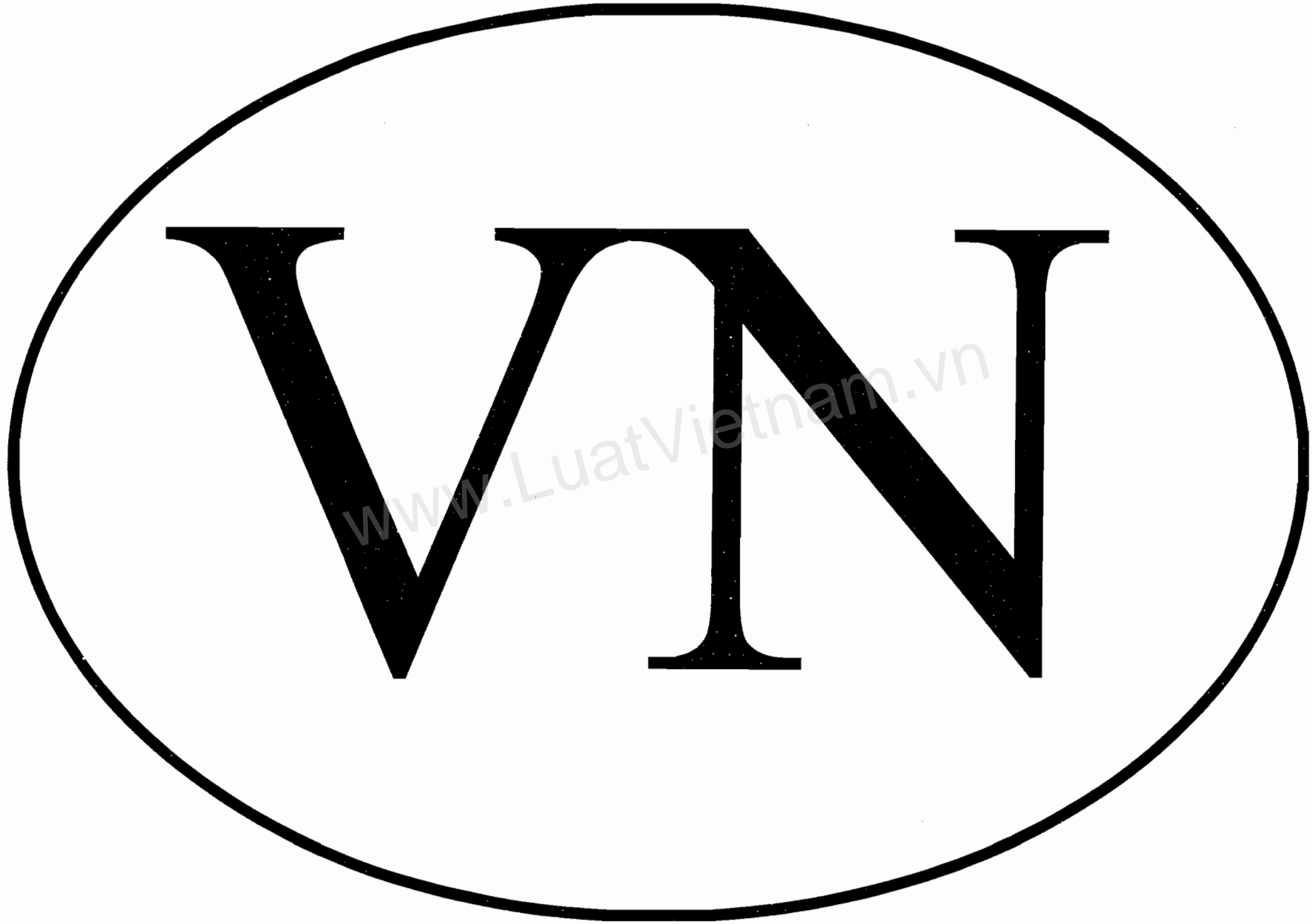
- Như khoản 5 Điều 17;
- Văn phòng Chính phủ;
- Các Bộ, CQ ngang Bộ, CQ thuộc C.Phủ;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Các Thứ trưởng Bộ GTVT;
- Cục Kiểm tra văn bản (Bộ Tư pháp);
- Công báo;
- Website Chính phủ, Website Bộ GTVT;
- Lưu: VT, HTQT (10b).



**Hồ Nghĩa Dũng**

**Phụ lục 1. Ký hiệu phân biệt quốc gia**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)*



Ghi chú: Chữ hoa Latinh, chữ có chiều cao 80mm, nét chữ có bề rộng 10 mm, các chữ có màu đen trên một nền trắng có dạng hình elíp với trục chính nằm ngang.



**Phụ lục 2a. Mẫu Danh sách hành khách tuyến cố định***(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)***DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)***(Sử dụng cho xe vận chuyển hành khách theo tuyến cố định tạm xuất-tái nhập  
(For temporary export and re-import vehicle on scheduled passenger transport))***Số(No.):****Số đăng ký phương tiện(Registration No.):**.....**Tên Công ty (Name of company):**.....**Địa chỉ (Address):**.....**Số điện thoại(Tel No.):**....., **Số fax/Fax No.:**.....**Tuyến vận tải(Route):** từ (from)..... đến(to)..... và ngược lại (and vice versa).**Bến đi(Departure terminal):**.....; **Bến đến(Arrival terminal):**.....**Giờ khởi hành từ bến đi(Departure time):**....., **ngày(date):**...../...../20.....**1. Danh sách hành khách khởi hành từ bến xe(Passengers departing from the terminal):**

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			17			33		
2			18			34		
3			19			35		
4			20			36		
5			21			37		
6			22			38		
7			23			39		
8			24			40		
9			25			41		
10			26			42		
11			27			43		
12			28			44		
13			29			45		
14			30			46		
15			31			47		
16			32			48		

**Tổng cộng số hành khách khởi hành từ bến xe:** ..... người  
*(Total passengers departing from the terminal) (persons)***Xác nhận của Bến xe/ Terminal**  
*(Ký, đóng dấu /Signature and seal)* .....  
**Ngày(date)** ...../...../20.....**2. Danh sách hành khách mua vé dọc đường do lái xe khai báo(Other passengers declared by driver):**

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số vé (Ticket No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			6			11		
2			7			12		
3			8			13		
4			9			14		
5			10			15		

**Tổng cộng khách chặng:** ..... người  
*(Total of stage passengers)....(Persons)***Lái xe ký tên xác nhận số lượng khách:**  
*(Name of Driver and signature)* .....*(Ghi chú: Danh sách này gồm 4 liên: Liên 1 (gốc) giao cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao Chủ phương tiện; Liên 3 giao Bến xe; Liên 4 giao Biên phòng cửa khẩu)/(Note: List of passenger includes 04 copies; 01 copy for Customs; 01 copy for carrier; 01 copy for the terminal; 01 copy for borderguard officer)/.*

**Phụ lục 2b. Mẫu Danh sách hành khách hợp đồng**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

**DANH SÁCH HÀNH KHÁCH (PASSENGER LIST)**

(Sử dụng cho phương tiện vận chuyển khách du lịch và theo hợp đồng tạm xuất-tái nhập)  
(For temporary export and re-import vehicle on tourist and non-scheduled passenger transport)

Số (No.):

Số đăng ký phương tiện (Registration number):.....

Tên người vận chuyển (Carrier name):.....

Địa chỉ (Address):.....

Số điện thoại (Tel No.): ..... Số Fax/Fax No.: .....

Phạm vi hoạt động của chuyến đi (Route of itinerary) .....

Thời hạn chuyến đi (Duration of the journey):..... ngày (date)

Từ ngày (From date)..... / ..... / 20..... đến ngày (to date)...../...../ 20.....

**Danh sách hành khách (Passenger list):**

Số TT (No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)	(No.)	Họ tên hành khách (Passenger's full name)	Số Hộ chiếu (Passport No.)
(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)	(1)	(2)	(3)
1			19			37		
2			20			38		
3			21			39		
4			22			40		
5			23			41		
6			24			42		
7			25			43		
8			26			44		
9			27			45		
10			28			46		
11			29			47		
12			30			48		
13			31			49		
14			32			50		
15			33			51		
16			34			52		
17			35			53		
18			36			54		

Tổng cộng số hành khách: ..... người  
(Total passengers departing from the terminal)..... (persons)

Xác nhận của người vận tải /Carrier  
(Ký tên, đóng dấu/ Signature, seal):  
Ngày(Date) ...../...../ 20.....

(Ghi chú: Danh sách này gồm 3 liên: Liên 1 (gốc) giao cho cơ quan Hải quan cửa khẩu; Liên 2 giao cho Chủ phương tiện; Liên 3 giao cho Biên phòng cửa khẩu)/(Note: list of passenger includes 03 copies; 01 copy for customs; 01 copy for carrier; 01 copy for borderguard officer)/.

**Phụ lục 3. Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên doanh nghiệp  
Đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ**

Kính gửi: .....

1. Tên đơn vị vận tải : .....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại: ..... số Fax: .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: ..... Ngày cấp: ..... Cơ quan cấp: .....
5. Đề nghị cấp giấy phép vận tải đường bộ quốc tế như sau:  
Loại hình hoạt động (ghi rõ một hoặc một số loại hình gồm: khai thác vận tải hành khách theo tuyến cố định; vận tải hành khách theo hợp đồng; vận tải hành khách du lịch; vận tải hàng hoá): .....
6. Thời hạn đề nghị cấp phép: .....

Xác nhận của Sở GTVT  
(Về thâm niên hoạt động vận tải trong nước của đơn vị)

....., Ngày tháng năm\*  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 4. Mẫu Giấy phép hoạt động vận tải đường bộ quốc tế***(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)*

**BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**  
**MINISTRY OF TRANSPORT**  
**TỔNG CỤC ĐƯỜNG BỘ VIỆT NAM**  
**DIRECTORATE FOR ROADS OF VIET NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
**Independence - Freedom – Happiness**

**GIẤY PHÉP HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI ĐƯỜNG BỘ QUỐC TẾ**  
**INTERNATIONAL ROAD TRANSPORT LICENCE**

Số giấy phép (Licence No.):.....

Đăng ký lần đầu (First Registration) date:.... month ..... year 200....

1. Tên công ty (Name of company): .....

2. Địa chỉ (Address):.....

Điện thoại (Tel): ..... Fax: .....

Email: ..... Website:.....

3. Loại hình hoạt động vận tải (Type of transport services):

4. Giấy phép có hiệu lực đến (This licence is valid until ): Ngày .....tháng.....năm.....

Date ..... month .....Year.....

....., ngày.....tháng.....năm.....

....., issuing date month year


Cơ quan cấp phép (Issuing Authority)

*(Ký tên, đóng dấu/Signature, seal)*



# Phụ lục 5a. Mẫu Giấy phép liên vận Việt - Lào

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)



**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc  
Independence - Freedom – Happiness  
\*\*\*

**GIẤY PHÉP LIÊN VẬN  
VIỆT - LÀO**

**VIETNAM - LAO  
CROSS- BORDER TRANSPORT  
PERMIT**

**Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam**  
Socialist Republic of VietNam

**Bộ Giao thông Vận tải Việt Nam đề nghị  
các cơ quan hữu quan cho phép phương  
tiện vận tải đường bộ này đi lại dễ dàng  
và hỗ trợ hoặc bảo vệ khi cần thiết**

**The Ministry of Transport of Viet Nam  
requests all those whom it may concern to  
allow the vehicle to pass freely and afford the  
vehicle any such assistance and protection as  
may be necessary**

Mặt sau bìa trước/ Back slide

**Thông tin cơ bản về phương tiện**  
Basic data of the vehicle

1. Số đăng ký phương tiện :.....  
(Registration number)

2. Một số thông số kỹ thuật:  
(Technical data)

- Năm sản xuất:.....  
(Manufactured year)

- Nhãn hiệu (Mark) :.....

- Loại xe (Model) :.....

Xe tải (Truck)     Xe khách (Bus)     Xe khác (Other)

- Màu sơn :.....  
(Colour)

- Số máy :.....  
(Engine No.)

- Số khung :.....  
(Chassis No.)

Trang 1

**Chi tiết về nhà vận tải**  
Status of Transport operator

Tên đơn vị (Company/Operator):  
.....

Địa chỉ (Address):  
.....

Tel:..... Fax:.....

Lĩnh vực hoạt động vận tải (Type of transport operation):  
.....

Số giấy phép (Licence No.) :.....  
Ngày hết hạn (Date of expiry) :.....

Trang 2

**GHI CHÚ  
NOTICES**

Sổ này có giá trị một năm  
This book is valid for one year  
Từ ngày: From date.... month..... year  
Đến ngày: To date.... month..... year

Cửa khẩu, vùng hoạt động, nơi đến  
Border gate, Traveling area, Destination

Cửa khẩu (Border gate): .....

Vùng hoạt động (Traveling area): .....

Nơi đến (Destination): .....

Ngày cấp (Date of Issue): .....

Issuing Authority  
(Signature, Seal)

Trang 3

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG  
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

Trang tiếp theo

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG  
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

**HẢI QUAN - BIÊN PHÒNG  
FOR CUSTOMS - BORDER GUARDS**

HẢI QUAN (CUSTOMS)		BIÊN PHÒNG (BORDER GUARDS)	
Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date	Ngày đi Departure date	Ngày về Arrival Date

**Hướng dẫn (Instruction)**

1. Sổ này bao gồm 50 trang cần phải được giữ sạch sẽ.  
This book, containing 50 pages excluding covers, should be kept as clean as possible.
2. Khi sổ bị mất hoặc không đọc được vì bất cứ nguyên nhân gì có thể xảy ra, người giữ giấy phép phải yêu cầu cấp giấy phép mới tại cơ quan có thẩm quyền cấp phép.  
When this book gets lost or unreadable for any reasons as it may occur, the holder should request the new one at the issuing office
3. Sổ này phải xuất trình cho cơ quan có thẩm quyền khi được yêu cầu.  
This book shall be produced to the competent authorities upon request
4. Nghiêm cấm việc tẩy xóa, thay đổi các điều khoản đã ghi trong sổ này.  
It is prohibited to erase, modify, or falsify any terms specified in this book
5. Sổ này chỉ sử dụng cho phương tiện đã được ghi trong sổ và phải được gia hạn trước ngày hết hạn một tháng.  
This book shall be used for the specified vehicle only and shall be renewed one month before the expired date.

**Ghi chú (note):**

Khổ giấy rộng: 11cm, dài 15cm  
Page size 11 cm x 15cm

Bìa màu đỏ (Red) dùng để cấp cho tất cả các phương tiện  
Red cover used for all vehicles

Phụ lục 5b. Mẫu Phù hiệu liên vận Việt – Lào  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Số (No.): .....

# CROSS-BORDER TRANSPORT VIET NAM – LAO

Đơn vị (Company):.....  
Biển đăng ký (Registration No.):.....  
Giấy phép có giá trị đến (Valid Until):.....

Cơ quan cấp phép/Issuing Agency  
(Ký tên, đóng dấu/Signature, seal)

Ghi chú: Kích thước 115mm x 210mm, nền trắng chữ đỏ.



**Phụ lục 6a. Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt – Lào cho phương tiện kinh doanh vận tải**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên doanh nghiệp/HTX  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO CHO PHƯƠNG TIỆN**  
**KINH DOANH VẬN TẢI**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế do Tổng Cục Đường bộ Việt Nam cấp số: ..... ngày cấp: ..... (đối với trường hợp phương tiện kinh doanh vận tải)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghé)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Loại hình kinh doanh vận tải:

a) Hành khách theo tuyến cố định:  b) Khách du lịch :

c) Hành khách theo hợp đồng:  d) Vận tải hàng hoá :

**Ghi chú: Đối với phương tiện vận chuyển hành khách theo tuyến cố định bổ sung thêm các thông tin sau:**

Tuyến:.....đi.....và ngược lại

Bên đi: Bên xe.....(thuộc tỉnh:.....Việt Nam)

Bên đến: Bên xe.....(thuộc tỉnh:.....)

Cự ly vận chuyển: .....km

Hành trình tuyến đường: .....

Đã được Tổng Cục Đường bộ Việt Nam chấp thuận khai thác tuyến tại công văn số ..... ngày .....

....., Ngày tháng năm  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 6b. Mẫu Đơn đề nghị cấp giấy phép liên vận Việt - Lào**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên đơn vị/tổ chức  
đề nghị cấp giấy phép

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**CẤP GIẤY PHÉP LIÊN VẬN VIỆT - LÀO**

Kính gửi:.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân):.....
2. Địa chỉ : .....
3. Số điện thoại:.....số Fax: .....
4. Giấy phép chứng nhận đăng ký kinh doanh số.....ngày cấp.....cơ quan cấp phép..... (đối với trường hợp phương tiện vận chuyển hàng hoá, người phục vụ mục đích kinh doanh của Doanh nghiệp, Hợp tác xã)
5. Đề nghị Tổng cục Đường bộ Việt Nam (hoặc Sở Giao thông vận tải địa phương) cấp Giấy phép liên vận cho phương tiện vận tải sau:

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghê)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Số khung	Số máy	Màu sơn	Thời gian đề nghị cấp phép	Hình thức hoạt động (vận chuyển hàng hóa hay hành khách)	Cửa khẩu Xuất - nhập
1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11
1										
2										
3										

6. Mục đích chuyến đi:

a) Công vụ :

b) Cá nhân :

c) Hoạt động kinh doanh:

d) Mục đích khác :

....., Ngày tháng năm  
Thủ trưởng đơn vị  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 7. Mẫu giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận Việt - Lào bằng xe ô tô theo tuyến cố định.**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên doanh nghiệp, HTX: ..... **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: ..... /.....

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., Ngày.... tháng....năm.....

**GIẤY ĐĂNG KÝ KHAI THÁC VẬN TẢI HÀNH KHÁCH  
LIÊN VẬN VIỆT – LÀO BẰNG XE Ô TÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH**

Kính gửi: Tổng cục Đường bộ Việt Nam

1. Tên doanh nghiệp, hợp tác xã:.....
2. Địa chỉ: .....
3. Số điện thoại: .....số Fax: .....
4. Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô số: .....ngày...../...../..... cơ quan cấp .....
5. Đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận Việt - Lào bằng xe ô tô theo tuyến cố định như sau:  
Tỉnh/thành phố đi: ..... Tỉnh/thành phố đến: .....  
Bến đi: ..... Bến đến: .....  
Cự ly vận chuyển: .....km  
Hành trình chạy xe: .....

**6. Danh sách xe:**

TT	Biển kiểm soát xe	Tên đăng ký sở hữu xe	Loại xe	Số ghế	Năm sản xuất	Cửa khẩu xuất - nhập
1						
2						
..						
.						

**7. Doanh nghiệp, hợp tác xã cam kết :**

- a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Giấy đăng ký khai thác vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô theo tuyến cố định;
- b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Việt Nam và Lào.

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**

(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 8. Phương án hoạt động vận tải hành khách liên vận quốc tế bằng xe ô tô**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên Doanh nghiệp, HTX...

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**PHƯƠNG ÁN HOẠT ĐỘNG VẬN TẢI HÀNH KHÁCH**  
**LIÊN VẬN VIỆT – LÀO BẰNG XE Ô TÔ THEO TUYẾN CỐ ĐỊNH**

**1. Đặc điểm tuyến:**

Tên tuyến: .....đi.....và ngược lại.

Bến đi:.....

Bến đến:.....

Cự ly vận chuyển:.....km.

Lộ trình: .....

**2. Biểu đồ chạy xe:**

Số chuyến tài (nốt) trong . . . . ngày/tuần/ tháng.

a) Tại bến lượt đi: bến xe:.....

Hàng ngày có . . . . . nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc . . . . . giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc . . . . . giờ

+ . . . . .

b) Tại bến lượt về: bến xe: .....

Hàng ngày có . . . . . nốt (tài) xuất bến như sau:

+ Tài (nốt) 1 xuất bến lúc . . . . . giờ

+ Tài (nốt) 2 xuất bến lúc . . . . . giờ

+ . . . . .

c) Thời gian thực hiện một hành trình chạy xe . . . . giờ.

d) Tốc độ lữ hành : .....km/giờ

e) Thời gian dừng nghỉ dọc đường :.....phút

**3. Các điểm dừng nghỉ trên đường:**

a) Lượt đi từ Bến xe :.....đến Bến xe :.....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*

- Điểm dừng thứ nhất .....

- Điểm dừng thứ hai .....

- Điểm dừng thứ ba :.....

b) Lượt về từ Bến xe :.....đến Bến xe:.....

*(Yêu cầu ghi rõ lý trình các chuyến xe sẽ dừng, nghỉ tại các trạm dừng nghỉ hoặc các nhà hàng được quy định trên tuyến Quốc lộ và tỉnh lộ theo đúng quy định pháp luật của nước sở tại).*



- Điểm dừng thứ nhất .....
  - Điểm dừng thứ hai .....
  - Điểm dừng thứ ba : .....
- c) Thời gian dừng, nghỉ từ .....đến.....phút/điểm

**4. Phương tiện bố trí trên tuyến**

Số TT	Biển số xe	Trọng tải (ghế)	Năm sản xuất	Nhãn hiệu	Ghi chú
1	2	3	4	5	6
1					
2					
3					

**5. Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe**

a) Số lượng :

b) Điều kiện của lái xe :

- Có bằng lái xe phù hợp với xe điều khiển
- Có đủ điều kiện về sức khoẻ, đảm bảo an toàn giao thông đường bộ
- Có hợp đồng lao động bằng văn bản với đơn vị
- Lái xe, nhân viên phục vụ trên xe mặc đồng phục, mang bảng tên

c) Điều kiện của nhân viên phục vụ trên xe

**6. Các dịch vụ khác**

- a) Dịch vụ chung chạy xe trên tuyến : .....
- b) Dịch vụ đối với những xe chất lượng cao: .....

**7. Giá vé**

a) Giá vé:

- Giá vé suốt tuyến:..... đồng/HK.
- Giá vé chặng (nếu có):..... đồng/HK.

Giá vé	đồng/HK
Trong đó:	
- Giá vé (*)	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn chính	đồng/HK
- Chi phí các bữa ăn phụ	đồng/HK
- Phục vụ khác: khăn, nước . . .	đồng/HK

(\*) Giá vé đã bao gồm bảo hiểm HK, phí cầu phà và các dịch vụ bến bãi.

b) Hình thức bán vé

- Bán vé tại quầy ở bến xe:.....
- Bán vé tại đại lý: ..... (ghi rõ tên đại lý, địa chỉ, điện thoại).
- Bán vé qua mạng:..... (địa chỉ trang Web).

**Xác nhận của Sở GTVT**

**Đại diện doanh nghiệp, HTX**  
(Ký tên, đóng dấu)

**Phụ lục 9. Mẫu Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận cho xe của Lào**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2011/TT-BGTVT ngày 18 tháng 5 năm 2011)

Tên doanh nghiệp đề nghị gia hạn giấy phép liên vận của Lào  
Company name applying for extension of Laos – Viet Nam Cross-border Transport Permit

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**SOCIALIST REPUBLIC OF VIET NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**  
Independence - Freedom – Happiness

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**  
**GIA HẠN GIẤY PHÉP LIÊN VẬN LÀO - VIỆT**  
**APPLICATION FOR EXTENDING OF LAOS-VIET NAM**  
**CROSS- BORDER TRANSPORT PERMIT**

Kính gửi (To):.....

1. Tên đơn vị (hoặc cá nhân): *Name (organization or individual)*.....
2. Địa chỉ: *(Address)* .....
3. Số điện thoại: *(Tel No.)*..... Số Fax: *(Fax No.)*: .....
4. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy phép đầu tư số *(Business Registration Certificate or Investment License No.)*:.....
- Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*.....
5. Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế số *(Laos – Viet Nam Cross-border Transport Permit No.)*:  
..... Ngày cấp *(Date of issue)* ..... Cơ quan cấp *(Issuing Authority)*..... nếu có *(If any)*.
6. Đề nghị Sở GTVT ..... gia hạn Giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện vận tải sau: *Kindly request Provincial Transport Department of.....to extend the validity of Lao - Viet Nam Cross- Border Transport Permit(s) for the following vehicle(s)*:
  - Biển số xe xin gia hạn *(Registration No.)*: .....
  - Giấy phép liên vận Lào - Việt số: .... Ngày cấp ... Nơi cấp: ..... Có giá trị đến: .....  
*Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit No.:...(Date of issue)....(Issuing Authority)...Date of expiry.....*
  - Thời gian nhập cảnh vào Việt Nam: ngày ..... tháng ..... năm .....  
*Date of entry into Viet Nam: ... .. month ... .. year .....*
  - Thời hạn đề nghị được gia hạn thêm (lựa chọn 1 trong 2 nội dung sau để khai):  
*Proposed extended duration (choose one of the two following options):*
    - + Gia hạn giấy phép liên vận: ....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm ...  
*Extension for: ....days, from date... .. month ..... year ... ..to date ... ..month ... year .....*
    - + Gia hạn chuyến đi:.....ngày, từ ngày ... tháng ... năm ... đến ngày ... tháng ... năm .....  
*Extension for Journey : ... .. days, from date ... month ... year ... to date ... ..month ... year ...*
7. Lý do đề nghị gia hạn *(The reasons for extension)*: .....
8. Chúng tôi xin cam kết *(We commit)*:
  - a) Chịu trách nhiệm hoàn toàn về sự trung thực và sự chính xác của nội dung Đơn đề nghị gia hạn giấy phép liên vận Lào - Việt cho phương tiện và các văn bản kèm theo *(To take full responsibility for the truthfulness and accuracy of the application for extending Laos-Viet Nam Cross-Border Transport Permit for vehicles and the attached documents)*.
  - b) Chấp hành nghiêm chỉnh mọi quy định của pháp luật Việt Nam cũng như những quy định ghi trong Nghị định thư thực hiện Hiệp định tạo điều kiện thuận lợi cho phương tiện cơ giới đường bộ qua lại biên giới giữa Lào và Việt Nam. *(To comply strictly with all provisions of Vietnamese*

*Laws as well as the provisions of the Protocol to Implement the Agreement to Facilitate Cross-border Movement of Motor vehicles between Laos and Viet Nam).*

....., Ngày(*Date*).....tháng(*month*).....năm (*year*)....

Đại diện đơn vị (*Representative of the Company*)

*Ký tên/Signature*

*Lái xe, chủ phương tiện hoặc người được ủy quyền (Driver, vehicle owner or authorized person).*

[www.LuatVietnam.vn](http://www.LuatVietnam.vn)